

-(으)러

để — đi kèm động từ di chuyển

Nêu mục đích của việc đi đâu đó. Giới hạn đặc trưng của nó nằm ở những gì được phép theo sau: chỉ động từ di chuyển, không bao giờ là động từ khác.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-러	보다 → 보러 가요
Kết thúc bằng phụ âm	-으러	먹다 → 먹으러 가요
Kết thúc bằng ㄹ	-러	만들다 → 만들러 가요
Động từ 하다	-러	공부하다 → 공부하러 가요
Phải theo sau bởi	가다, 오다, 다니다	나가다, 들어가다 cũng được
Thì đặt ở	động từ di chuyển	먹으러 갔어요

Khi nào dùng

Cấu trúc là mục đích + -(으)러 + 가다/오다: 밥을 먹으러 식당에 갔어요. Mệnh đề trước -(으)러 là lý do bạn đi; động từ sau nó là hành động đi.

Danh sách động từ được phép theo sau rất ngắn: 가다, 오다, 다니다, 나가다, 들어가다, 올라가다, 내려가다 — nói cách khác là các động từ di chuyển. 공부하러 열심히 해요 sai ngữ pháp vì 하다 không phải là di chuyển. Với mục đích gắn với bất kỳ động từ nào khác, hãy dùng -(으)려고.

Cách gắn theo quy tắc phụ âm thông thường, riêng ㄹ được giữ nguyên: 만들다 thành 만들러. Không có gì khác đứng trước đuôi này — không thì, không phủ định. Thì quá khứ đặt ở 가다: 먹으러 갔어요.

Ví dụ trong câu

- 1 점심 먹으러 갈까요?

Mình đi ăn trưa nhé?
- 2 친구를 만나러 서울에 갔어요.

Tôi đã đi Seoul để gặp bạn.
- 3 한국어를 배우러 학원에 다녀요.

Tôi đi học ở trung tâm ngoại ngữ để học tiếng Hàn.
- 4 책을 빌리러 도서관에 왔어요.

Tôi đến thư viện để mượn sách.
- 5 영화 보러 갑시다.

Mình đi xem phim đi.
- 6 짐을 가지러 잠깐 들렀어요.

Tôi ghé qua một lát để lấy đồ.

So sánh với

-(으)려고
-(으)러 cần động từ di chuyển theo sau; -(으)려고 chấp nhận mọi động từ. Khi bạn đi đâu đó, cả hai đều dùng được và -(으)러 là lựa chọn tự nhiên hơn.
사러 갔어요. (đã đi mua) / 사려고 돈을 모았어요. (đã tiết kiệm tiền để mua)

-기 위해서
Cách nêu mục đích trang trọng, dùng trong văn viết. Dùng được với mọi động từ và thường đi với mục tiêu trừu tượng hơn là một việc vật cụ thể.
밥을 먹으러 갔어요. (thường ngày) / 건강을 지키기 위해서 운동합니다. (trang trọng)

-(으)로
Là cặp thường đi cùng nhau chứ không phải đối thủ: -(으)러 nêu mục đích còn 에 hoặc (으)로 nêu điểm đến. Cả hai có thể xuất hiện trong cùng một câu.
밥을 먹으러 식당에 갔어요. / 밥을 먹으러 그쪽으로 갔어요.

Lưu ý

- ✗ 한국어를 배우러 열심히 공부해요.

○ 한국어를 배우려고 열심히 공부해요.

공부하다 không phải động từ di chuyển, nên -(으)러 không thể dẫn nó. Hãy chuyển sang -(으)려고 bất cứ khi nào không ai đi đâu cả.
- ✗ 저녁을 만들으러 집에 갔어요.

○ 저녁을 만들러 집에 갔어요.

Gốc từ kết thúc bằng ㄹ dùng dạng ngắn. Tương tự với 팔러, 놀러, 살러.
- ✗ 밥을 먹었으러 갔어요.

○ 밥을 먹으러 갔어요.

Thì không bao giờ đứng trước -(으)러. Quá khứ đặt ở động từ di chuyển cuối câu.